

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Theo đề nghị tại Công văn số 1007/SNV-VP ngày 03/9/2025 của Sở Nội vụ về việc phối hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện quyết định, kế hoạch giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả như sau:

I. Việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành 09 văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW¹

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành 07 văn bản liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06².

¹ Quyết định số 1827-QĐ/TU ngày 11/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Quyết định số 1845-QĐ/TU ngày 21/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiện toàn Ban chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1434-QĐ/TU ngày 05/02/2025 thành lập Ban chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh ủy Kon Tum; Quyết định số 1828-QĐ/TU ngày 11/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Quy chế làm việc số 02 -QC/BCĐ ngày 21/02/2025 của Ban Chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Chương trình công tác số 06-CTr/BCĐ ngày 21/5/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình số 95-CTr/TU ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Kon Tum cũ) về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 08/KH-BCĐ ngày 03/6/2025 Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 04-TB/BCĐTW ngày 30/5/2025 của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

² Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 về Thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Kon Tum; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 15/5/2025 của Ban Chỉ đạo về Kế hoạch hoạt động năm 2025 Ban

- Phối hợp các cơ quan, ban ngành tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 06 Văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chính quyền số cấp tỉnh³

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban ngành tham mưu Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06⁴ tổ chức thành công Phiên họp lần thứ I, dưới sự chủ trì của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo. Kết quả: thông qua cuộc họp, Trưởng Ban Chỉ đạo đã có văn bản chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành của tỉnh khẩn trương, quyết liệt triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu và chỉ đạo của trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 và công tác Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đảm bảo các chỉ tiêu theo kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các chỉ tiêu theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 (tại Thông báo số 309/TB-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

2. Tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1 Về nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW, đã kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong toàn tỉnh về việc thực hiện

Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Thay thế Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh); Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 24/7/2025 của Ban chỉ đạo UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 08-KH/BCĐ của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 04-TB/BCĐTW ngày 30/5/2025 của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (thay thế Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 02/4/2025).

³ *Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024 về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số; Quyết định số 55/QĐ/UBND ngày 14/01/2025 về phê duyệt Kết quả xếp hạng Chuyển đổi số (DTI) các sở, ban ngành và các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về Thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 17/4/2025 về Truyền thông về cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025*

⁴ *Thành lập tại Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 02/4/2025.*

các đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kết quả: đã tổ chức Hội nghị trực tuyến và trực tiếp với 220 điểm cầu, hơn 13 nghìn đại biểu tham dự. Qua học tập, quán triệt, đã giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao hơn nữa về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh và những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Công tác truyền thông về chuyển đổi số trên các nền tảng số được quan tâm thực hiện định kỳ và đảm bảo tần suất.

2.2. Về khăn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Xác định phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, cấp bách của địa phương, do vậy ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, tham mưu UBND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, ban hành mới nhiều chủ trương liên quan đến lĩnh vực này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 07/3/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành trong tỉnh đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, đề ra các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đưa các chỉ tiêu về phát triển khoa học và công nghệ vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị; gắn công tác phát triển khoa học và công nghệ với bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Việc sử dụng nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng được quan tâm; trong đó ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho phát triển hạ tầng phục vụ đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo triển khai tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển chuyển đổi số; trong đó, tập trung nghiên cứu, tham mưu triển khai Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị định 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về

thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. cụ thể hóa các quy định pháp luật phù hợp với thực tiễn của Tỉnh để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

2.3. Về tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tỉnh đã đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh, với tổng dung lượng lưu trữ là 170 TB, triển khai 24 hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) của các cơ quan nhà nước tỉnh. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo khả năng lưu trữ và kết nối dữ liệu từ các CSDL, HTTT của tỉnh. Toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, HTTT ; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành.

- Tiếp tục triển khai đầu tư, nâng cấp nền tảng, ứng dụng dùng chung phục vụ chuyển đổi số, chính quyền số trong đó ưu tiên một số nền tảng, ứng dụng dùng chung .

- Đã hoàn thành nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã xây dựng và đưa vào hoạt động Hệ thống phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại chính quyền các cấp và Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi và Hệ thống và Kho dữ liệu số và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu, ưu tiên số hóa hồ sơ, tài liệu của các đơn vị thuộc diện giải thể, sáp nhập.

- Đến nay, hạ tầng số của tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được đẩy mạnh đầu tư, phát triển .

- Mạng lưới truyền thanh cơ sở được phủ sóng khắp thôn/bản trên địa bàn tỉnh, được từng bước hiện đại hóa áp dụng công nghệ viễn thông – công nghệ thông tin. Mạng lưới IoT tiếp tục được phát triển doanh nghiệp, đặc biệt hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống cảnh báo lũ, hệ thống camera ngành công an phục vụ công tác theo dõi an ninh trật tự và an toàn giao thông tại các vị trí trọng yếu.

- Về hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây: Trung tâm dữ liệu dùng chung (Văn phòng Tỉnh ủy), Trung tâm dữ liệu tỉnh (Sở KH&CN) và Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh) vận hành với khoảng 60 phần mềm, hệ thống thông tin. Ngoài ra, đang sử dụng hạ tầng do doanh nghiệp cung cấp để vận hành các hệ thống có quy mô lớn như: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống VBDLis;...

2.4. Về phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đã tập trung tham mưu Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, viễn thông cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh nắm bắt các công nghệ mới như AI, big data,... từng bước đào tạo, bồi dưỡng hình thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho các cơ quan, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

- Đã xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ cập và nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp; triển khai phong trào “học tập số” giai đoạn 2025-2030. Hướng ứng Lễ phát động phong trào và ra mắt nền tảng "Bình dân học vụ số" và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số“, đến nay, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã triển khai hướng dẫn đến toàn thể cán bộ, công chức, người dân.

- Tiếp tục phối hợp các ngành đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Đào tạo các ngành nghề đặc thù cho doanh nghiệp đầu tư, hoạt động trên địa bàn tỉnh, chuẩn bị nguồn lực cho Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia (theo Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 28/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

- Tham mưu sắp xếp tổ chức, nhân sự, chức năng, nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu về KH&CN, chuyển đổi số; bố trí cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

- Phối hợp các ngành triển khai Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 02/6/2025 về phát động và tổ chức phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Tiếp tục phối hợp các cơ quan chuyên môn tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức; tập huấn kỹ năng số cho người dân, đến nay đã có trên 957.600 lượt người dân tham gia ít nhất một lớp tập huấn.

2.5. Về đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, hệ thống thông tin (HTTT) ; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành.

- Về triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ, ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (Văn phòng Chính phủ); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Hệ thống cấp mã số ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Hệ thống VNPOST (Bưu điện Việt Nam); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (Bộ Công an); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);... để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin.

- Đã số hóa 100% nhu cầu của cơ quan cấp sở về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; Hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch đúng thời hạn theo yêu cầu của Chính phủ; Cập nhật thông tin người lao động vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được 674.242/708.475 người trong độ tuổi lao động, đạt 95,17%.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai 1.523 cơ quan, đơn vị; tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành đạt trên 99,35%, cấp huyện đạt 92,32%, cấp xã đạt 85,35%; trên 95% văn bản được ký số khi phát hành văn bản điện tử .

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh triển khai ở 217 cơ quan, đơn vị; Đã tích hợp, cung cấp 732/1.692 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 599/1.692 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của các bộ, ngành; 100% các sở, ngành, UBND cấp huyện, xã đã thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến và thanh toán trực tuyến ; 100% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử - VneID; Số hóa hồ sơ thủ tục hành chính khi tiếp nhận: cấp tỉnh đạt tỷ lệ 97,89%, cấp huyện đạt tỷ lệ 99,28%, cấp xã đạt tỷ lệ 99,76%; Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính: cấp tỉnh đạt tỷ lệ 98,22%, cấp huyện đạt tỷ lệ 94,34%, cấp xã đạt tỷ lệ 98,19%.

- Tỉnh đã ban hành kế hoạch phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi (Triển khai Quyết định 950/QĐ-TTg); Đã triển khai Hệ thống cảnh báo sớm về lũ trên lưu vực các sông ở Quảng Ngãi (Ngành thủy lợi và phòng chống lụt bão); Camera an ninh tỉnh (Công an tỉnh).

- Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng: tham mưu UBND tỉnh triển khai các cơ quan chức năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng, xử lý kịp thời các lỗ hổng bảo mật .

2.6. Về thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh triển khai các chương trình, đề án KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, góp phần gia tăng hàm lượng khoa học và công nghệ vào hoạt động của doanh nghiệp, gồm: Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp về chuyển đổi số: Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng; Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số.

- Khuyến khích doanh nghiệp cùng địa phương triển khai thực hiện một số nội dung: (1) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như IoT, Big Data, AI và điện toán đám mây áp dụng chính sách ưu đãi tối đa theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, tín dụng cho doanh nghiệp công nghệ số. (2) Phối hợp triển khai chuyển đổi số trong các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. Tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng lớn như nông nghiệp, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch, logistics. (3) Phát triển mạnh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện hạ tầng thanh toán điện tử và logistics để thúc đẩy thương mại điện tử phát triển. (4) Phối hợp tuyên truyền, nâng cao năng lực số cho người dân. Trang bị kiến thức, kỹ năng để người dân tham gia an toàn trên môi trường số. (5) Phối hợp triển khai khi có yêu cầu số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; di sản văn hóa của tỉnh. (6) Chủ động đề xuất và tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh và quốc gia nhằm giải quyết các vấn đề, nút thắt trong hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Toàn tỉnh có 6.900 doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp trong khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh là 220; mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa là còn thấp. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 2.725 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó: 1.602 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số ICT và 1.123 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số nền tảng đang hoạt động; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trên địa bàn tỉnh đạt hơn 81%, tuy nhiên tỷ lệ hợp đồng điện tử trên tổng số hợp đồng là chưa cao. Một số doanh nghiệp đã triển khai IoT ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh; Một số DN lớn trên địa bàn KKT Dung Quất đã triển khai một số mô hình phục vụ sản xuất, thương mại; có 2 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất bán dẫn

2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Trong thời gian qua, tỉnh đã quan tâm, mời một số nhà khoa học của các Trường: Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thủ Dầu Một, trường Đại học Quốc tế, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Tây Đô, Đại học Đà Nẵng, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum và các tổ chức khoa học: Viện Di truyền Nông nghiệp Hà Nội, Viện Dược Liệu Hà Nội, Viện Nghiên cứu Hệ sinh thái rừng và lâm nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức... đến làm việc, trao đổi, tư vấn, chuyển giao công nghệ, đề xuất những vấn đề có liên quan về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, qua đó đã ký kết chương trình phối hợp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế⁵.

- Đồng thời, hỗ trợ và cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp để hợp tác đầu tư, thương mại, du lịch giữa Kon Tum (cũ) với các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước thông qua việc ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Công ty 4 Ways Ptyltd (Australia) và Công ty TNHH Kon Plông Agril - Tourism (Việt Nam) về triển khai sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; kêu gọi hợp tác, làm việc với Đoàn doanh nghiệp của Vương quốc Thái Lan, Australia, Singapore đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh...

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện chương trình hợp tác, chương trình phối hợp của tỉnh với các cơ quan trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ⁶; nhiệm vụ hợp tác với quận Hongcheon - tỉnh Gangwon, quận Jinan - tỉnh Jeonlabuk, Hàn Quốc⁷. Tổ chức Đoàn công tác của tỉnh đi Hàn Quốc làm việc, học tập kinh nghiệm trong quản lý sản xuất, chế biến, xây dựng và bảo vệ thương hiệu Sâm Hàn Quốc để vận dụng quản lý Sâm Ngọc Linh Kon Tum.

Kết quả thực hiện 17 nhiệm vụ của 06 nhóm nhiệm vụ cụ thể tại: **Phụ lục 02. Kết quả thực hiện nhiệm vụ các nhiệm vụ Nghị quyết số 71/NQ-CP**

⁵ Đã hợp tác triển khai một số nhiệm vụ: Ứng dụng các hệ thống quan trắc môi trường; hệ hỗ trợ quyết định không gian (SDSS) trên nền Web trong quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kon Tum; Nghiên cứu, sản xuất cà phê chất lượng cao bằng công nghệ lên men tại huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum; xây dựng và phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường: hoa xứ lạnh (hoa lily, hồ điệp), rượu sim, cá tầm Măng Đen; xây dựng và quảng bá mô hình du lịch cộng đồng tại làng Kon Pring, làng Viôlăk trên địa bàn huyện Kon Plong...; Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút khách du lịch tại khu du lịch sinh thái Măng Đen; quy trình công nghệ kiểm định sâm bằng phương pháp chỉ thị phân tử, phân tích định tính và định lượng saponin có trong sâm, phân tích định lượng một số hoạt chất đặc trưng của saponin có trong sâm,...

⁶ Giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Trường Đại học Tây Nguyên, Đại học Đà Nẵng, Đại học quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh.

⁷ Sở KH&CN tỉnh đã tổ chức ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với Viện nghiên cứu hồng sâm Jinan, Hàn Quốc, thông qua biên bản ghi nhớ 2 bên đã thảo luận và thống nhất các nội dung hợp tác trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ đối với Sâm Ngọc Linh và các dược liệu có tiềm năng lợi thế của tỉnh Kon Tum.

II. Các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia⁸ và Thông báo của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo⁹

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Triển khai thực hiện các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và Thông báo của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo, Tỉnh ủy chỉ đạo, đôn đốc để bảo đảm tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được giao, triển khai 09 văn bản chỉ đạo, thực hiện kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, UBND tỉnh xây dựng và 13 văn bản liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ được giao tại các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương và Tổ giúp việc (*Chi tiết văn bản được trình bày tại khoản 1 mục I*)

2. Tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1 Về nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Đã tập trung tham mưu cấp thẩm quyền chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là các nhiệm vụ đã quá hạn.

2.2. Về khản trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 ban hành mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch 22/KH-UBND ngày 09/8/2025 thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

⁸Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 22/01/2025; Thông báo số 03-TB/BCĐTW ngày 06/3/2025; Thông báo kết luận số 04-TB/BCĐTW, ngày 30/5/2025; Thông báo kết luận số 05-TB/BCĐTW, ngày 04/7/2025.

⁹ Thông báo số 08-TB/TGV, ngày 01/4/2025; Thông báo số 11-TB/TGV, ngày 08/4/2025; Thông báo số 12-TB/TGV, ngày 14/4/2025; Thông báo số 14-TB/TGV, ngày 21/4/2025; Thông báo số 15-TB/TGV, ngày 28/4/2025; Thông báo số 19-TB/TGV, ngày 9/5/2025; Thông báo số 23-TB/TGV ngày 20/5/2025; Thông báo số 25-TB/TGV, ngày 24/5/2025; Thông báo số 27-TB/TGV, ngày 8/6/2025; Thông báo số 28-TB/TGV, ngày 8/6/2025; Thông báo số 30-TB/TGV, ngày 13/6/2025; Thông báo số 31-TB/TGV, ngày 18/6/2025; Thông báo số 33-TB/TGV, ngày 27/6/2025; Thông báo số 35-TB/TGV, ngày 11/7/2025,...

- Triển khai xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận công nghệ.

- Chủ động mở rộng và đẩy mạnh triển khai thực hiện các Kế hoạch hợp tác giữa UBND tỉnh Quảng Ngãi với Đại học Quốc gia Hà Nội (Kế hoạch số 01/KH-ĐHQGHN-UBND ngày 17/8/2023), Đại học Đà Nẵng (Kế hoạch số 01/KH-UBND-ĐHĐN ngày 11/8/2023), Trường Đại học Tôn Đức Thắng (Kế hoạch 01/KH-UBND-TDTU ngày 17/7/2023). Triển khai 8 nhiệm vụ hợp tác với các viện nghiên cứu được liệu của Hàn Quốc...

2.3. Về tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Đã phối hợp các ngành triển khai hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ; thường xuyên cải tiến quy trình và thiết lập trên nền tảng số; Tỷ lệ hồ sơ TTH số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 78,52% (Quảng Ngãi cũ) và 87,43% (Kon Tum cũ); Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 78,43% (Quảng Ngãi cũ) và 23,17% (Kon Tum cũ).

- Đã phối hợp các ngành phân bổ kinh phí để số hóa 50% Giấy chứng nhận QSD đất còn lại trên toàn tỉnh; Số hóa dữ liệu học sinh từ tiểu học đến THPT và Giáo dục thường xuyên; triển khai bệnh án điện tử tại 20 Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên toàn tỉnh; Đã có 19/61 HTTT, CSDL thuộc tỉnh kết nối với các hệ thống bộ ngành TW để khai thác.

- Triển khai đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị đầu cuối, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, hướng dẫn của Trung ương: 100% các cơ quan cấp tỉnh và 100% cấp xã (96/96 xã, phường, đặc khu) có mạng Truyền số liệu chuyên dùng; 100% thôn, bản có sóng di động 3G, 4G. Mạng di động 5G đã triển khai tại các khu đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với 58 trạm BTS; Trang thiết bị phục vụ Hội nghị truyền hình trực tuyến: Hiện còn 20 địa phương chưa có thiết bị đầu cuối (VCS) đáp ứng yêu cầu HNTH: Xã Ba Động; Xã Ba Xa; Xã Ba Vì; Xã Sơn Mai; Xã Sơn Kỳ; Phường Đăk Cẩm; Xã Ngọc Bay; Xã Đăk Rơ Wa; Xã Ia Chim; Xã Dục Nông; Xã Xốp; Xã Ngọc Linh; Xã Đăk Plô; Xã Đăk Môn; Xã Ya Ly; Xã Đăk Kôi; Xã Đăk Rve; Xã Măng Bút; Xã Kon Plông; Xã Rờ Koi...

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: 57/96 địa phương được trang bị máy lấy số xếp hàng tự động, 53/96 địa phương được trang bị màn hình hiển thị số, 93/96 xã được trang bị bộ máy tính (kèm máy scan) hỗ trợ số hóa giấy tờ, 91/96 địa phương 03/96 địa phương được trang bị thiết bị tra cứu TTHC, 08/96 địa phương chưa có, 91/96 địa phương trang bị máy tính cho công chức...

- Tổ chức khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ của cơ quan đảng đứng quy định, hiệu quả

- Tỉnh Quảng Ngãi đã có Kho lưu trữ tài liệu điện tử (Kho theo QĐ 458 TTG); Kho Kết quả GQTTHC (Kho theo NĐ 45/2020/NĐ-CP).

- Thường xuyên thực hiện truyền thông về chuyển đổi số trên các kênh truyền hình và các nền tảng số (Báo Quảng Ngãi, Trung tâm Truyền thông tỉnh, fanpage, zalo “Sở Khoa học và Công nghệ”...). Triển khai nhiều chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân, đến nay đã có hơn 957.600 người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về kỹ năng số, đang xây dựng Chương trình Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với nhiều nội dung đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Đã thực hiện nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia; thực hiện cập nhật, đồng bộ 100% thủ tục hành chính của tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đáp ứng việc triển khai dịch vụ công tập trung, duy nhất. Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức tập huấn hướng dẫn các đơn vị, xã phường trong công tác xử lý hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh vào cuối tháng 6/2025 để phục vụ cho quá trình thực hiện sáp nhập, cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Đồng thời, thời gian qua đã phối hợp với VNPT khu vực (đơn vị cung cấp dịch vụ HTTT giải quyết TTHC tỉnh) bố trí đội ngũ hỗ trợ trực tiếp các đơn vị. Qua đó, hướng dẫn các đơn vị thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Trong tháng 7/2025, theo thống kê trên Cổng DVCQG thì tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 63,51%, xếp vị trí thứ 8/34 tỉnh, thành; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 74,95%.

2.4. Về phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đã phối hợp các ngành tham mưu UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, viễn thông cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh nắm bắt các công nghệ mới như AI, big data,... từng bước đào tạo, bồi dưỡng hình thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho các cơ quan, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

- Đã triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ cập và nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp; triển khai phong trào “học tập số” giai đoạn 2025-2030. Hướng ứng Lễ phát động phong trào và ra mắt nền tảng “Bình dân học vụ số” và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, đến nay, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã triển khai hướng dẫn đến toàn thể cán bộ, công chức, người dân.

- Tổ chức tham mưu triển khai Kế hoạch hành động số 05-KH/TU ngày 21/7/2025 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025

của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Đảng ủy UBND tỉnh ban hành văn bản 77-CV/ĐUUBNDT ngày 20/07/2025 triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương

2.5. Về đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, hệ thống thông tin (HTTT); trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành.

- Về triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ, ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (Văn phòng Chính phủ); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Hệ thống cấp mã số ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Hệ thống VNPOST (Bưu điện Việt Nam); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (Bộ Công an); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);... để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin.

- Đã số hóa 100% nhu cầu của cơ quan cấp sở về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; Hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch đúng thời hạn theo yêu cầu của Chính phủ; Cập nhật thông tin người lao động vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được 674.242/708.475 người trong độ tuổi lao động, đạt 95,17%.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai 1.523 cơ quan, đơn vị; tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành đạt trên 99,35%, cấp huyện đạt 92,32%, cấp xã đạt 85,35%; trên 95% văn bản được ký số khi phát hành văn bản điện tử.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh triển khai ở 217 cơ quan, đơn vị; Đã tích hợp, cung cấp 732/1.692 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 599/1.692 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của các bộ, ngành; 100% các sở, ngành, UBND cấp huyện, xã đã thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến và thanh toán trực tuyến; 100% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử - VneID; Số hóa hồ sơ thủ tục hành chính khi tiếp nhận: cấp tỉnh đạt tỷ lệ

97,89%, cấp huyện đạt tỷ lệ 99,28%, cấp xã đạt tỷ lệ 99,76%; Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính: cấp tỉnh đạt tỷ lệ 98,22%, cấp huyện đạt tỷ lệ 94,34%, cấp xã đạt tỷ lệ 98,19%.

2.6. Về thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh triển khai các chương trình, đề án KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, góp phần gia tăng hàm lượng khoa học và công nghệ vào hoạt động của doanh nghiệp, gồm: Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp về chuyển đổi số: Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng; Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số.

- Khuyến khích doanh nghiệp cùng địa phương chủ động đề xuất và tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh và quốc gia nhằm giải quyết các vấn đề, nút thắt trong hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp nhận 153 đề xuất nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đang thực hiện các bước tiếp theo để phê duyệt thực hiện

- Duy trì vận hành liên tục nền tảng LGSP tỉnh Quảng Ngãi; tổng số 45 ứng dụng kết nối, 37 dịch vụ liên thông đang hoạt động. Trong tháng 7, tiếp tục cập nhật và đồng bộ khoảng 2.000 mã định danh điện tử trong tổng số hơn 4.000 mã định danh, đảm bảo tính liên thông giữa các hệ thống sau sáp nhập.

2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện chương trình hợp tác, chương trình phối hợp của tỉnh với các cơ quan trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ; nhiệm vụ hợp tác với quận Hongcheon - tỉnh Gangwon, quận Jinan - tỉnh Jeonlabuk, Hàn Quốc

Kết quả thực hiện 17 nhiệm vụ của 07 nhóm nhiệm vụ cụ thể tại **Phụ lục 03. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các Thông báo kết luận của Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc ban chỉ đạo**

III. Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 (các nhiệm vụ từ 01/8/2025 đến 31/12/2025)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, địa phương thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, doanh nghiệp khi đi vào vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; hướng dẫn việc tổ chức trụ sở, thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, ban hành quy chế để đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đi vào vận hành, hoạt động ổn định, không bị gián đoạn¹⁰.

- Triển khai Công điện số 111/CD-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC và chuyển đổi số giai đoạn đầu vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Công văn số 464/UBND-TTHC ngày 20 tháng 7 năm 2025, Công văn số 780/UBND-TTHC ngày 29 tháng 7 năm 2025 yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu cụ thể hóa và triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ theo yêu cầu của Công điện và định kỳ báo cáo kết quả, đề xuất kiến nghị trong quá trình thực hiện.

2. Tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Hoàn thiện thể chế và kiến trúc pháp lý.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 09/8/2025 thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 ban hành mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Xây dựng hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu.

- Mạng Truyền số liệu chuyên dùng: Đã triển khai đến 100% các cơ quan cấp tỉnh và 100% cấp xã (96/96 xã, phường, đặc khu).

- Mạng di động: 100% thôn, bản có sóng di động 3G, 4G. Mạng di động 5G đã triển khai tại các khu đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với 58 trạm BTS.

- Ngay sau khi Trung ương có chủ trương thành lập Trung tâm Phục vụ

¹⁰ Công văn số: 147/VP-TTHC ngày 02/5/2025; 3251/UBND-TTHC ngày 30/5/2025; 3331/UBND-TTHC ngày 03/6/2025, 3587/UBND ngày 11/6/2025, 3598/UBND-TTHC ngày 11/6/2025, 3645/UBND-TTHC ngày 12/6/2025, 3753/UBND-TTHC ngày 16/6/2025, 1782/BC-VP ngày 16/6/2025, 3838/UBND-TTHC ngày 18/6/2025, 3843/UBND-TTHC ngày 18/6/2025, 3918/UBND ngày 20/6/2025, 4011/UBND-TTHC ngày 23/6/2025, 4171/UBND-TTHC ngày 25/6/2025, 4257/UBND-TTHC ngày 27/6/2025, 4290/UBND-TTHC ngày 29/6/2025, 422/UBND-TTHC ngày 18/7/2025, 461/UBND-TTHC ngày 19/7/2025, 464/UBND-TTHC ngày 20/7/2025, 645/UBND-TTHC ngày 24/7/2025, 995/UBND-TTHC ngày 02/8/2025; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 31/7/2025; Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 31/7/2025.

hành chính công cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án, yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp địa phương cấp cơ sở rà soát, đề xuất bố trí trụ sở phù hợp với điều kiện sau sáp nhập; đồng thời giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp khảo sát thực tế, hướng dẫn các địa phương bố trí khu vực tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức. Trên cơ sở kết quả khảo sát, các địa phương sớm hoàn thiện địa điểm, chỉnh trang trụ sở, tận dụng trang thiết bị hiện có để bảo đảm điều kiện làm việc cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Công tác chuẩn bị đảm bảo hoàn thành, đi vào vận hành thử nghiệm ngày 25/6/2025 và chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (*Công văn số: 2592/UBND-TTHC ngày 07/5/2025, 1782/BC-VP ngày 16/6/2025, 3838/UBND-TTHC ngày 18/6/2025*). Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 phê duyệt trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp.

- Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tập trung rà soát, nâng cấp, đầu tư một số nội dung trọng tâm về hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số liên thông, đồng bộ phục vụ mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (*Thông báo số 31/TB-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn số 472/SKHCN-BCVT&CĐS ngày 27 tháng 7 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ*).

- Chủ động rà soát, đánh giá hiệu quả việc triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, hệ thống thông tin (HTTT)¹¹; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành.

- Về triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ, ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (Văn phòng Chính phủ); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Hệ thống cấp mã số ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Hệ thống VNPOST (Bưu điện Việt Nam); CSDL Quốc gia về

¹¹ Một số nền tảng, CSDL, HTTT quan trọng đã triển khai: nền tảng số, HTTT, CSDL như: Giải quyết TTHC tỉnh; Cổng /trang thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, xã; Hội nghị truyền hình (còn 05 sở và 03 huyện chưa đầu tư); Mail Công vụ; Hệ thống xác thực tập trung; Công báo tỉnh; Thông tin báo cáo; Quản lý nhiệm vụ; Tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Cảnh báo lũ trên 04 sông chính; Xử lý vi phạm hành chính; Bản đồ số 2D, 3D KKT Dung Quất; SOC; Quản lý Đô thị thành phố Quảng Ngãi; Các CSDL: Cơ quan nhà nước cấp huyện, CBCCVC, Tôn giáo, Di tích lịch sử, văn hóa, Ngành Nông nghiệp, Ngành Giáo dục, Thanh tra - kiểm tra, Chứng thực, Đất đai tại 08 huyện; Kho dữ liệu số về kết quả giải quyết TTHC tỉnh; Kho lưu trữ tài liệu lịch sử tỉnh; App Công chức và Công dân; Cổng dữ liệu mở; nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu; Nền tảng phòng chống mã độc tập trung...

Dân cư và Dịch vụ công liên thông (Bộ Công an); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);... để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin.

2.3. Thống nhất nền tảng, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Hoàn thành đánh giá, lựa chọn các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, Hệ thống hợp trực tuyến, Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Hệ thống thư điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống quản lý cán bộ, công chức viên chức, Cổng thông tin điện tử...) sẽ tiếp tục sử dụng trong giai đoạn sắp xếp; đối với các hệ thống thông tin có chức năng tương tự không đưa lựa chọn thì có phương án phù hợp để bảo đảm khai thác, sử dụng, tra cứu thông tin, dữ liệu.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành và lựa chọn các hệ thống đáp ứng yêu cầu để tiếp tục sử dụng ổn định, hiệu quả sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, các hệ thống trọng tâm sau đây được đưa vào thực hiện trong Giai đoạn 1 của Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (đến ngày 30/6/2025): (1) Hệ thống Thư điện tử công vụ; (2) Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP); (3) Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; (4) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (5) Cổng thông tin điện tử tỉnh; (6) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; (7) Hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh.

2.4. Phát triển nguồn lực (nhân lực và tài chính)

- Triển khai thực hiện Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; trong đó, lồng ghép 12 lớp bồi dưỡng có liên quan về chuyển đổi số, an toàn thông tin theo Kế hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 02/6/2025 về Phát động và Tổ chức Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Ngày 08/8/2025, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức 01 lớp tập huấn CKS bằng hình thức trực tuyến cho gần 200 CBCC là đầu mối của 96 xã, phường, đặc khu. Qua đó, hướng dẫn các đơn vị về quy trình quản lý chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Quảng

2.5. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật

- Tổ An ninh mạng, an toàn thông tin Công an tỉnh thực hiện Đề án 06 đã làm tốt công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc kiểm tra, đảm bảo an ninh an toàn đối với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hệ thống căn cước, định danh và xác thực điện tử. Tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ chiến sĩ trong việc bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống, thiết bị, dữ liệu; kịp thời phát hiện hư hỏng hoặc các nguy cơ gây mất an ninh, an toàn để có báo cáo, đề xuất các biện pháp ngăn chặn, khắc phục, xử lý kịp thời.

- Đã phân loại hệ thống thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; đã triển khai phần mềm phòng chống mã độc và cập nhật định kỳ, có kiểm soát truy cập quản trị, có quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu, phương án phòng chống thất thoát dữ liệu.

Kết quả thực hiện 09 nhiệm vụ của 05 nhóm nhiệm vụ cụ thể tại **Phụ lục 04. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các Thông báo kết luận của Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc ban chỉ đạo**

IV. Khuyết điểm, hạn chế; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; kiến nghị, đề xuất.

1. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân (nêu rõ về phía Trung ương, địa phương)

- Việc thay đổi thói quen của người dân trong sử dụng công cụ số cần có thời gian và nhân lực hỗ trợ; nhân lực chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh còn ít và hầu hết là kiêm nhiệm. Nhận thức về chuyển đổi số của đa số cán bộ lãnh đạo cấp sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố tuy đã được nâng cao nhưng kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về công tác chuyển đổi số còn nhiều hạn chế, nhân lực chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh còn ít và hầu hết là kiêm nhiệm.

- Chưa có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết; chưa thực hiện bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

- Hệ thống thể chế còn một số hạn chế, như: chậm cập nhật so với yêu cầu thực tiễn, quy trình nội bộ giữa các cơ quan chưa thống nhất, một số quy định chuyên ngành còn chồng chéo.

- Hạ tầng khoa học – công nghệ còn hạn chế; chưa có trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, liên kết giữa nhà nước – doanh nghiệp – viện, trường còn yếu, và tỷ lệ đầu tư cho KH&CN còn thấp.

- Nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại một số cơ quan nhà nước đang thiếu, đa số là do cán bộ văn phòng kiêm nhiệm. Do đó, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số gặp khó khăn, áp lực về thời gian và chất

lượng chuyên môn.

- Một số HTTT dùng chung toàn quốc còn chưa đáp ứng nhu cầu khai thác tại địa phương; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn bất cập, rào cản.

- Việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào đời sống chưa đạt hiệu quả như mong muốn; việc tổ chức, nhân rộng mô hình sau khi tiếp nhận kết quả nghiên cứu tại một số đơn vị, địa phương còn hạn chế, sức lan tỏa chưa cao.

- Mức độ quan tâm về ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh của một số lượng không ít doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh là còn hạn chế. Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/1/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh là còn nhiều khó khăn.

- Các Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đã cơ bản bảo đảm cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết để hoạt động; tuy nhiên, tại một số địa phương, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa mặc dù đã được đầu tư hạ tầng và trang thiết bị, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế trong công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Diện tích trụ sở và công năng sử dụng chưa phù hợp, có nơi còn chật hẹp, thiếu diện tích phục vụ người dân, doanh nghiệp đến thực hiện thủ tục hành chính; đường truyền mạng còn thiếu ổn định; thiết bị công nghệ thông tin chưa đồng bộ và có cấu hình thấp, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng xử lý công việc.

- Các máy tính của địa phương hầu hết đã cũ, xuống cấp, gây khó khăn trong xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở. Nguồn lực từ ngân sách địa phương hạn chế, khó đảm bảo triển khai các giải pháp an toàn thông tin tiên tiến.

- Một số hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương vẫn có lúc hoạt động thiếu ổn định, mất kết nối (*như Hệ thống một cửa điện tử và hệ thống hộ tịch chứng thực không đồng bộ*) dẫn đến không thực hiện được thủ tục hộ tịch cho công dân.

2. Kiến nghị, đề xuất (nêu rõ nội dung kiến nghị, đề xuất đối với cơ quan có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất)

*** Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành Trung ương**

- Sớm nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung để đáp ứng quá trình giải quyết, đồng bộ công việc, hồ sơ liên thông.

- Cần chia sẻ, đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ được tiếp nhận trên các hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc phân cấp, phân quyền thêm cho địa phương nhằm phục vụ công tác theo dõi, kiểm soát hoạt động giải quyết TTHC tại địa phương được tiếp nhận trên các phần mềm chuyên ngành diễn ra hàng ngày tại

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (*hiện có 13 hệ thống phần mềm cần Bộ, ngành Trung ương chia sẻ cho địa phương*): Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh (<https://dangkyhkd.dkkd.gov.vn>; <https://dangkyhtx.dkkd.gov.vn>); Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>); Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách (<https://mstt.mof.gov.vn>); Dịch vụ công liên thông của Bộ Công an (<https://lienthong.dichvucong.gov.vn>); Hệ thống phần mềm về cấp, cấp đổi Giấy phép lái xe; Hệ thống phần mềm về đăng ký con dấu; Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp; Hệ thống phần mềm giải quyết TTHC của Bảo hiểm xã hội (<https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn>); Phần mềm đăng ký khai sinh điện tử, Bộ Tư pháp (<https://khaisinhdientu.moj.gov.vn>); Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung, Bộ Tư pháp (<https://hotichdientu.moj.gov.vn>); Phần mềm công cụ quản lý hồ sơ quốc tịch, Bộ Tư pháp (<https://quoctich.moj.gov.vn>); Hệ thống cung cấp thông tin quy hoạch toàn quốc, Bộ Xây dựng (<https://dvcquyhoach.xaydung.gov.vn>); Hệ thống cấp phép xây dựng toàn quốc, Bộ Xây dựng (<https://capphep.xaydung.gov.vn>); Cơ sở dữ liệu người có công với cách mạng (<https://csdl-nguoiococong.molisa.gov.vn>); Phần mềm Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (<https://dvcbtXH.molisa.gov.vn>); Hệ thống dịch vụ công trực tuyến về quản lý trang thiết bị y tế, Bộ Y tế (<https://imda.moh.gov.vn/>); Hệ thống quản lý và cấp giấy chứng nhận xuất xứ điện tử, Bộ Công Thương (<https://ecosys.gov.vn>))

Sở Khoa học và Công nghệ báo Sở Nội vụ biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KH&ĐMST_{LTQT}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Hiếu